

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 2 năm học 2022-2023 Hệ Chính quy

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
1		1080017	Chính sách pháp luật về VHNT Việt Nam	CLM2014	2	90											1_QLVH_M3_TC		
1.1	01	1080017	CLM2014-2022.01			45	Nguyễn Hữu Thức					1-3, E501			13/02/2023	02/07/2023			2022
2.2	02	1080017	CLM2014-2022.02			45	Hoàng Công Dụng					4-6, E501			13/02/2023	02/07/2023			2022
2		1170005	Cơ sở tạo hình mặt phẳng	GRD2004	2	200											Cơ sở tạo hình 1		
3.1	01	1170005	GRD2004-2022.01			50	Nguyễn Thành Sơn	7-11, E603							13/02/2023	21/05/2023			2022
4.2	02	1170005	GRD2004-2022.02			50	Nguyễn Thành Sơn		7-11, E603						13/02/2023	21/05/2023			2022
5.3	03	1170005	GRD2004-2022.03			50	Nguyễn Thành Sơn					7-11, E603			13/02/2023	21/05/2023			2022
6.4	04	1170005	GRD2004-2022.04			50	Nguyễn Hữu Dũng				1-5, E603				13/02/2023	21/05/2023			2022
3		1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	405											Dung chung		
7.1	05	1080001	CLM2001-2022.05			45	Nguyễn Đức Hoàng	1-3, E503							13/02/2023	02/07/2023			2022
8.2	06	1080001	CLM2001-2022.06			45	Hoàng Công Dụng	4-6, E503							13/02/2023	02/07/2023			2022
9.3	07	1080001	CLM2001-2022.07			45	Tráng Thị Thuý		4-6, E503						13/02/2023	02/07/2023			2022
10.4	08	1080001	CLM2001-2022.08			45	Nông Thị Thanh Thuý			1-3, E501					13/02/2023	02/07/2023			2022
11.5	09	1080001	CLM2001-2022.09			45	Vũ Thị Thái Hoa			4-6, E501					13/02/2023	02/07/2023			2022
12.6	10	1080001	CLM2001-2022.10			45	Đào Thị Thủy Tiên			7-9, E502					13/02/2023	02/07/2023			2022
13.7	11	1080001	CLM2001-2022.11			45	Lý Minh Huệ			10-12, E502					13/02/2023	02/07/2023			2022
14.8	12	1080001	CLM2001-2022.12			45	Vũ Thị Thái Hoa				4-6, E503				13/02/2023	02/07/2023			2022
15.9	13	1080001	CLM2001-2022.13			45	Nguyễn Đức Hoàng					1-3, E502			13/02/2023	02/07/2023			2022
4		1020017	Công nghệ may 1	FAD2009	2	90													
16.1	01	1020017	FAD2009-2022.01			45	Nguyễn Bích Nhung						7-11, E		13/02/2023	23/04/2023			2022
17.2	02	1020017	FAD2009-2022.02			45	Nguyễn Bích Nhung						1-5, E		13/02/2023	23/04/2023			2022
5		1100087	Dân ca	VMU2001	2	200											VMU2001		
18.1	07	1100087	VMU2001-2022.07			25	Đặng Thị Lan	1-5, D4							13/02/2023	18/06/2023			2022
19.2	08	1100087	VMU2001-2022.08			25	Đặng Thị Lan			1-5, D4					13/02/2023	18/06/2023			2022
20.3	09	1100087	VMU2001-2022.09			25	Đặng Thị Lan				1-5, D4				13/02/2023	18/06/2023			2022
21.4	10	1100087	VMU2001-2022.10			25	Đặng Thị Lan					1-5, D4			13/02/2023	18/06/2023			2022
22.5	11	1100087	VMU2001-2022.11			25	Ngân Thị Thương			7-11, D4					13/02/2023	18/06/2023			2022
23.6	12	1100087	VMU2001-2022.12			25	Ngân Thị Thương						1-5, D4		13/02/2023	18/06/2023			2022
24.7	13	1100087	VMU2001-2022.13			25	Đào Thị Khánh Chi					7-11, D4			13/02/2023	18/06/2023			2022
25.8	14	1100087	VMU2001-2022.14			25	Đào Thị Khánh Chi						1-5, D4		13/02/2023	18/06/2023			2022
6		1190010	Đệm thanh nhạc 1.2	PIA2007	1														
26.1	03	1190010	PIA2007-2022.03			0	Lại Thị Phương Thảo				7-11, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
27.2	04	1190010	PIA2007-2022.04			0	Lê Hải Thuận				7-11, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
28.3	05	1190010	PIA2007-2022.05			0	Hồ Thị Ngọc Hà		7-11, D						13/02/2023	25/06/2023			2022
29.4	06	1190010	PIA2007-2022.06			0	Hồ Thị Ngọc Hà				1-5, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
30.5	07	1190010	PIA2007-2022.07			0	Lương Đức Giang				7-11, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
31.6	08	1190010	PIA2007-2022.08			0	Lương Ngọc Bích				1-5, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
7		1080189	Di sản văn hóa Việt Nam	CLM2113	2	80											DL		
32.1	01	1080189	CLM2113-2022.01			80	Võ Hồng Nhung		7-9, E501						13/02/2023	02/07/2023			2022
8		1080181	Địa lý du lịch	CLM2105	3	80											DL		
33.1	01	1080181	CLM2105-2022.01			80	Nguyễn Thị Phương Thảo	7-9, E306							13/02/2023	02/07/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
9		1140045	Giáo dục học	PPE2002	3	480											Khóa 2022		
34.1	01	1140045	PPE2002-2022.01			60	Nguyễn Thị Duyên	1-3, E507							13/02/2023	25/06/2023			2022
35.2	02	1140045	PPE2002-2022.02			60	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		1-3, E507						13/02/2023	25/06/2023			2022
36.3	03	1140045	PPE2002-2022.03			60	Nguyễn Thị Duyên			1-3, E507					13/02/2023	25/06/2023			2022
37.4	04	1140045	PPE2002-2022.04			60	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	7-9, E507							13/02/2023	25/06/2023			2022
38.5	05	1140045	PPE2002-2022.05			60	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			7-9, E507					13/02/2023	25/06/2023			2022
39.6	06	1140045	PPE2002-2022.06			60	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				10-12, E301				13/02/2023	25/06/2023			2022
40.7	07	1140045	PPE2002-2022.07			60	Nguyễn Thị Tuyết Nhung					7-9, E507			13/02/2023	25/06/2023			2022
41.8	08	1140045	PPE2002-2022.08			60	Đỗ Ánh Tuyết				4-6, E507				13/02/2023	25/06/2023			2022
10		1140043	Giáo dục thể chất 2	PPE2011	3	840													
42.1	01	1140043	PPE2011-2022.01			35	Phạm Minh Tuấn			7-11, Cầu lông					13/02/2023	02/07/2023			2022
43.2	02	1140043	PPE2011-2022.02			35	Phạm Minh Tuấn				1-5, Cầu lông				13/02/2023	02/07/2023			2022
44.3	03	1140043	PPE2011-2022.03			35	Phạm Minh Tuấn				7-11, Cầu lông				13/02/2023	02/07/2023			2022
45.4	04	1140043	PPE2011-2022.04			35	Phạm Minh Tuấn					1-5, Cầu lông			13/02/2023	02/07/2023			2022
46.5	05	1140043	PPE2011-2022.05			35	Phạm Minh Tuấn					7-11, Cầu lông			13/02/2023	02/07/2023			2022
47.6	06	1140043	PPE2011-2022.06			35	Bùi Thị Ánh Tuyết	1-5, Cầu lông							13/02/2023	02/07/2023			2022
48.7	07	1140043	PPE2011-2022.07			35	Bùi Thị Ánh Tuyết	7-11, Cầu lông							13/02/2023	02/07/2023			2022
49.8	08	1140043	PPE2011-2022.08			35	Bùi Thị Ánh Tuyết		1-5, Cầu lông						13/02/2023	02/07/2023			2022
50.9	09	1140043	PPE2011-2022.09			35	Bùi Thị Ánh Tuyết		7-11, Cầu lông						13/02/2023	02/07/2023			2022
51.10	10	1140043	PPE2011-2022.10			35	Bùi Thị Ánh Tuyết			1-5, Cầu lông					13/02/2023	02/07/2023			2022
52.11	11	1140043	PPE2011-2022.11			35	Nguyễn Minh Trâm	1-5, K vũ							13/02/2023	02/07/2023			2022
53.12	12	1140043	PPE2011-2022.12			35	Nguyễn Minh Trâm		1-5, K vũ						13/02/2023	02/07/2023			2022
54.13	13	1140043	PPE2011-2022.13			35	Nguyễn Minh Trâm			1-5, K vũ					13/02/2023	02/07/2023			2022
55.14	14	1140043	PPE2011-2022.14			35	Nguyễn Minh Trâm				1-5, K vũ				13/02/2023	02/07/2023			2022
56.15	15	1140043	PPE2011-2022.15			35	Nguyễn Minh Trâm					1-5, K vũ			13/02/2023	02/07/2023			2022
57.16	16	1140043	PPE2011-2022.16			35	Lê Việt Hùng			7-11, Võ					13/02/2023	02/07/2023			2022
58.17	17	1140043	PPE2011-2022.17			35	Lê Việt Hùng				1-5, Cầu lông				13/02/2023	02/07/2023			2022
59.18	18	1140043	PPE2011-2022.18			35	Lê Việt Hùng				7-11, Võ				13/02/2023	02/07/2023			2022
60.19	19	1140043	PPE2011-2022.19			35	Lê Việt Hùng					1-5, Cầu lông			13/02/2023	02/07/2023			2022
61.20	20	1140043	PPE2011-2022.20			35	Lê Việt Hùng					7-11, Võ			13/02/2023	02/07/2023			2022
62.21	21	1140043	PPE2011-2022.21			35	Phạm Thị Huyền Trang	1-5, Võ							13/02/2023	02/07/2023			2022
63.22	22	1140043	PPE2011-2022.22			35	Phạm Thị Huyền Trang	7-11, Võ							13/02/2023	02/07/2023			2022
64.23	23	1140043	PPE2011-2022.23			35	Phạm Thị Huyền Trang		1-5, Võ						13/02/2023	02/07/2023			2022
65.24	24	1140043	PPE2011-2022.24			35	Phạm Thị Huyền Trang		7-11, Võ						13/02/2023	02/07/2023			2022
11		1080223	Giới và Phát triển	CLM2203	2	30											CTXH		
66.1	01	1080223	CLM2203-2022.01			30	Lương Thị Đào			1-3, E502					13/02/2023	25/06/2023			2022
12		1020040	Hình họa 2	FAD2051	2	98													
67.1	01	1020040	FAD2051-2022.01			14	Vũ Thanh Nghị	3-4, BC	3-4, BC						13/02/2023	18/06/2023			2022
68.2	02	1020040	FAD2051-2022.02			14	Nguyễn Minh Thùy	3-4, BC	3-4, BC						13/02/2023	18/06/2023			2022
69.3	03	1020040	FAD2051-2022.03			14	Phạm Viết Minh Tri	3-4, BC	3-4, BC						13/02/2023	18/06/2023			2022
70.4	04	1020040	FAD2051-2022.04			14	Nguyễn Minh Thùy				3-4, BC	3-4, BC			13/02/2023	18/06/2023			2022
71.5	05	1020040	FAD2051-2022.05			14	Phạm Viết Minh Tri				3-4, BC	3-4, BC			13/02/2023	18/06/2023			2022
72.6	06	1020040	FAD2051-2022.06			14	Trương Tuấn Anh				3-4, BC	3-4, BC			13/02/2023	18/06/2023			2022
73.7	07	1020040	FAD2051-2022.07			14	Lê Mai Trinh				3-4, BC	3-4, BC			13/02/2023	18/06/2023			2022
13		1170054	Hình họa 2	GRD2049	2	210													
74.1	01	1170054	GRD2049-2022.01			21	Ng.Duy Quốc Tuấn	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A					13/02/2023	30/07/2023			2022
75.2	02	1170054	GRD2049-2022.02			21	Nguyễn Xuân Tám	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A					13/02/2023	30/07/2023			2022
76.3	03	1170054	GRD2049-2022.03			21	Nguyễn Hữu Dũng	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A					13/02/2023	30/07/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
77.4	04	1170054	GRD2049-2022.04			21	Nguyễn Thị Mỹ	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A					13/02/2023	30/07/2023			2022
78.5	05	1170054	GRD2049-2022.05			21	Vũ Xuân Hiền	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A					13/02/2023	30/07/2023			2022
79.6	06	1170054	GRD2049-2022.06			21	Ng.Duy Quốc Tuấn				1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A		13/02/2023	30/07/2023			2022
80.7	07	1170054	GRD2049-2022.07			21	Nguyễn Hải Kiên				1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A		13/02/2023	30/07/2023			2022
81.8	08	1170054	GRD2049-2022.08			21	Nguyễn Hồng Sơn				1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A		13/02/2023	30/07/2023			2022
82.9	09	1170054	GRD2049-2022.09			21	Vũ Xuân Hiền				1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A		13/02/2023	30/07/2023			2022
83.10	10	1170054	GRD2049-2022.10			21	Lê Đức Tùng				1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A	1-2, A:5-6, A		13/02/2023	30/07/2023			2022
14		1060032	Hình họa 2	F AE2048	2	210											2_SPMT_M4		
84.1	01	1060032	FAE2048-2022.01			15	Nguyễn Quang Minh	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
85.2	02	1060032	FAE2048-2022.02			15	Nguyễn Quang Minh	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
86.3	03	1060032	FAE2048-2022.03			15	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
87.4	04	1060032	FAE2048-2022.04			15	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
88.5	05	1060032	FAE2048-2022.05			15	Nguyễn Thị May				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
89.6	06	1060032	FAE2048-2022.06			15	Nguyễn Thị May				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
90.7	07	1060032	FAE2048-2022.07			15	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
91.8	08	1060032	FAE2048-2022.08			15	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
92.9	09	1060032	FAE2048-2022.09			15	Nguyễn Tú Anh	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
93.10	10	1060032	FAE2048-2022.10			15	Nguyễn Tú Anh	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
94.11	11	1060032	FAE2048-2022.11			15	Hoàng Đức Dũng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
95.12	12	1060032	FAE2048-2022.12			15	Hoàng Đức Dũng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
96.13	13	1060032	FAE2048-2022.13			15	Hoàng Đức Dũng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
97.14	14	1060032	FAE2048-2022.14			15	Hoàng Đức Dũng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
15		1080094	Hình thể 2 (Kỹ thuật thể hiện)	CLM2060	3	50											DVK		
98.1	03	1080094	CLM2060-2022.03			25	Lại Huy Hoàng		1-5, NA501						13/02/2023	02/07/2023			2022
99.2	04	1080094	CLM2060-2022.04			25	Lại Huy Hoàng					13-17, NA501			13/02/2023	02/07/2023			2022
16		1190018	Hòa tấu 1.2	PIA2011	1														
100.1	05	1190018	PIA2011-2022.05			0	Đình Công Hải	7-11, D							13/02/2023	25/06/2023			2022
101.2	06	1190018	PIA2011-2022.06			0	Lê Nam		1-5, D						13/02/2023	25/06/2023			2022
102.3	07	1190018	PIA2011-2022.07			0	Hà Cẩm Vân					7-11, D			13/02/2023	25/06/2023			2022
103.4	08	1190018	PIA2011-2022.08			0	Nghiêm Thị Hà Ngân				7-11, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
104.5	09	1190018	PIA2011-2022.09			0	Hồ Thị Ngọc Hà			7-11, D					13/02/2023	25/06/2023			2022
105.6	10	1190018	PIA2011-2022.10			0	Nguyễn Hương Giang					7-11, D			13/02/2023	25/06/2023			2022
17		1070011	Hợp xướng 1	MUS2080	2	325											2019		
106.1	01	1070011	MUS2080-2022.01			25	Phạm Xuân Danh	1-5, D3							13/02/2023	18/06/2023			2022
107.2	02	1070011	MUS2080-2022.02			25	Vũ Thị Thùy Linh	7-11, D3							13/02/2023	18/06/2023			2022
108.3	03	1070011	MUS2080-2022.03			25	Phạm Xuân Danh		1-5, D3						13/02/2023	18/06/2023			2022
109.4	04	1070011	MUS2080-2022.04			25	La Bảo Hồng		1-5, D2						13/02/2023	18/06/2023			2022
110.5	05	1070011	MUS2080-2022.05			25	La Bảo Hồng		7-11, D3						13/02/2023	18/06/2023			2022
111.6	06	1070011	MUS2080-2022.06			25	Vũ Thị Thùy Linh			1-5, D2					13/02/2023	18/06/2023			2022
112.7	07	1070011	MUS2080-2022.07			25	Vũ Thị Thùy Linh			7-11, D3					13/02/2023	18/06/2023			2022
113.8	08	1070011	MUS2080-2022.08			25	La Bảo Hồng				1-5, D3				13/02/2023	18/06/2023			2022
114.9	09	1070011	MUS2080-2022.09			25	La Bảo Hồng				7-11, D3				13/02/2023	18/06/2023			2022
115.10	10	1070011	MUS2080-2022.10			25	La Bảo Hồng					1-5, D3			13/02/2023	18/06/2023			2022
116.11	11	1070011	MUS2080-2022.11			25	Vũ Thị Thùy Linh					7-11, DNN			13/02/2023	18/06/2023			2022
117.12	12	1070011	MUS2080-2022.12			25	Bùi Quỳnh Anh					7-11, D3			13/02/2023	18/06/2023			2022
118.13	13	1070011	MUS2080-2022.13			25	La Bảo Hồng						1-5, D3		13/02/2023	18/06/2023			2022
18		1070139	Keyboard/Guitar 1	*MUS2085	1														
119.1	01	1070139	*MUS2085-2022.01			0	Lê Quốc Vương	1-5, C209							13/02/2023	25/06/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
120.2	02	1070139	*MUS2085-2022.02			0	Phạm Huy Hùng	1-5, C208							13/02/2023	25/06/2023			2022
121.3	03	1070139	*MUS2085-2022.03			0	Phạm Huy Hùng			7-11, C209					13/02/2023	25/06/2023			2022
122.4	04	1070139	*MUS2085-2022.04			0	Phạm Hồng Phương	1-5, D103							13/02/2023	25/06/2023			2022
123.5	05	1070139	*MUS2085-2022.05			0	Bùi Thị Diệu Minh	1-5, E307							13/02/2023	25/06/2023			2022
124.6	06	1070139	*MUS2085-2022.06			0	Bùi Thị Diệu Minh					1-5, E307			13/02/2023	25/06/2023			2022
125.7	07	1070139	*MUS2085-2022.07			0	Vũ Ngọc Sơn	7-11, C209							13/02/2023	25/06/2023			2022
126.8	08	1070139	*MUS2085-2022.08			0	Nguyễn Thị Thu Hương	13-17, C208							13/02/2023	25/06/2023			2022
127.9	09	1070139	*MUS2085-2022.09			0	Nguyễn Thị Thu Hương						7-11, C208		13/02/2023	25/06/2023			2022
128.10	10	1070139	*MUS2085-2022.10			0	Nguyễn Phương Ngọc		1-5, C209						13/02/2023	25/06/2023			2022
129.11	11	1070139	*MUS2085-2022.11			0	Lương Diệu Ánh		1-5, C208						13/02/2023	25/06/2023			2022
130.12	12	1070139	*MUS2085-2022.12			0	Lương Diệu Ánh			13-17, D108					13/02/2023	25/06/2023			2022
131.13	13	1070139	*MUS2085-2022.13			0	Lương Đức Giang		1-5, C310						13/02/2023	25/06/2023			2022
132.14	14	1070139	*MUS2085-2022.14			0	Ngô Thị Việt Anh		1-5, D101						13/02/2023	25/06/2023			2022
133.15	15	1070139	*MUS2085-2022.15			0	Dương Vũ Bình Minh		7-11, E307						13/02/2023	25/06/2023			2022
134.16	16	1070139	*MUS2085-2022.16			0	Dương Vũ Bình Minh			13-17, D107					13/02/2023	25/06/2023			2022
135.17	17	1070139	*MUS2085-2022.17			0	Phùng Thị Lan Hương		13-17, D101						13/02/2023	25/06/2023			2022
136.18	18	1070139	*MUS2085-2022.18			0	Đào văn Kiên			1-5, C206					13/02/2023	25/06/2023			2022
137.19	19	1070139	*MUS2085-2022.19			0	Đào văn Kiên					13-17, D107			13/02/2023	25/06/2023			2022
138.20	20	1070139	*MUS2085-2022.20			0	Đặng Thái Sơn			7-11, D					13/02/2023	25/06/2023			2022
139.21	21	1070139	*MUS2085-2022.21			0	Đào Văn Thực			13-17, D102					13/02/2023	25/06/2023			2022
140.22	22	1070139	*MUS2085-2022.22			0	Mai Trần Hoàn			13-17, D101					13/02/2023	25/06/2023			2022
141.23	23	1070139	*MUS2085-2022.23			0	Vũ Thanh Xuân				1-5, C209				13/02/2023	25/06/2023			2022
142.24	24	1070139	*MUS2085-2022.24			0	Nguyễn Nguyệt Cẩm						1-5, D103		13/02/2023	25/06/2023			2022
143.25	25	1070139	*MUS2085-2022.25			0	Đoàn Anh Vũ						1-5, D202		13/02/2023	25/06/2023			2022
144.26	26	1070139	*MUS2085-2022.26			0	Đoàn Anh Vũ						7-11, D202		13/02/2023	25/06/2023			2022
145.27	27	1070139	*MUS2085-2022.27			0	Nguyễn Thị Đoài						1-5, D207		13/02/2023	25/06/2023			2022
146.28	28	1070139	*MUS2085-2022.28			0	Hà Tân Mùi						7-11, C210		13/02/2023	25/06/2023			2022
147.29	29	1070139	*MUS2085-2022.29			0	Nguyễn Quang Tùng						7-11, D101		13/02/2023	25/06/2023			2022
148.30	30	1070139	*MUS2085-2022.30			0	Trần Bích Thủy						7-11, D103		13/02/2023	25/06/2023			2022
149.31	31	1070139	*MUS2085-2022.31			0	Trần Quỳnh Anh						7-11, D203		13/02/2023	25/06/2023			2022
150.32	32	1070139	*MUS2085-2022.32			0	Vũ Ngọc Sơn							7-11, D	13/02/2023	25/06/2023			2022
151.33	33	1070139	*MUS2085-2022.33			0	Bùi Thị Diệu Minh				13-17, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
152.34	34	1070139	*MUS2085-2022.34			0	Nguyễn Thị Thu Hương		13-17, D						13/02/2023	25/06/2023			2022
153.35	35	1070139	*MUS2085-2022.35			0	Trần Bích Thủy				13-17, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
154.36	36	1070139	*MUS2085-2022.36			0	Cù Minh Giang					13-17, D			13/02/2023	25/06/2023			2022
155.37	37	1070139	*MUS2085-2022.37			0	Cù Minh Giang			13-17, D					13/02/2023	25/06/2023			2022
156.38	38	1070139	*MUS2085-2022.38			0	Bá Săn		13-17, D						13/02/2023	25/06/2023			2022
19		1070101	Keyboard/Guitar 3	*MUS2087	1												2019		
157.1	27	1070101	*MUS2087-2022.27			0	Ngô Thị Việt Anh						7-11, D		13/02/2023	25/06/2023			2022
158.2	28	1070101	*MUS2087-2022.28			0	Ngô Thị Việt Anh						13-17, D		13/02/2023	25/06/2023			2022
20		1080013	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	CLM2011	3	90											2_QLVH_M3		
159.1	01	1080013	CLM2011-2022.01			45	Bùi Hồng Hạnh	7-9, E502							13/02/2023	02/07/2023			2022
160.2	02	1080013	CLM2011-2022.02			45	Bùi Hồng Hạnh	10-12, E502							13/02/2023	02/07/2023			2022
21		1130012	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POL2010	2	900											2 2019		
161.1	01	1130012	POL2010-2022.01			45	Trịnh Anh Tuấn				1-3, E101				09/01/2023	02/04/2023			2022
162.2	02	1130012	POL2010-2022.02			45	Trịnh Anh Tuấn				4-6, E101				09/01/2023	02/04/2023			2022
163.3	03	1130012	POL2010-2022.03			45	Trịnh Anh Tuấn				7-9, E403				09/01/2023	02/04/2023			2022
164.4	04	1130012	POL2010-2022.04			45	Trịnh Anh Tuấn				10-12, E403				09/01/2023	02/04/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
165.5	05	1130012	POL2010-2022.05			45	Trịnh Anh Tuấn					1-3, E301			09/01/2023	02/04/2023			2022
166.6	06	1130012	POL2010-2022.06			45	Trịnh Anh Tuấn					4-6, E301			09/01/2023	02/04/2023			2022
167.7	07	1130012	POL2010-2022.07			45	Trịnh Anh Tuấn					7-9, E502			09/01/2023	02/04/2023			2022
168.8	08	1130012	POL2010-2022.08			45	Trịnh Anh Tuấn					10-12, E502			09/01/2023	02/04/2023			2022
169.9	09	1130012	POL2010-2022.09			45	Nguyễn Thị Huyền		1-3, E101						09/01/2023	02/04/2023			2022
170.10	10	1130012	POL2010-2022.10			45	Nguyễn Thị Huyền		4-6, E101						09/01/2023	02/04/2023			2022
171.11	11	1130012	POL2010-2022.11			45	Nguyễn Thị Huyền		7-9, E507						09/01/2023	02/04/2023			2022
172.12	12	1130012	POL2010-2022.12			45	Nguyễn Thị Huyền		10-12, E507						09/01/2023	02/04/2023			2022
173.13	13	1130012	POL2010-2022.13			45	Nguyễn Thị Huyền			1-3, E301					09/01/2023	02/04/2023			2022
174.14	14	1130012	POL2010-2022.14			45	Nguyễn Thị Huyền			4-6, E301					09/01/2023	02/04/2023			2022
175.15	15	1130012	POL2010-2022.15			45	Nguyễn Thị Huyền			7-9, E101					09/01/2023	02/04/2023			2022
176.16	16	1130012	POL2010-2022.16			45	Nguyễn Thị Huyền			10-12, E101					09/01/2023	02/04/2023			2022
177.17	17	1130012	POL2010-2022.17			45	Nguyễn Thị Toan	1-3, E301							09/01/2023	02/04/2023			2022
178.18	18	1130012	POL2010-2022.18			45	Nguyễn Thị Toan	4-6, E301							09/01/2023	02/04/2023			2022
179.19	19	1130012	POL2010-2022.19			45	Nguyễn Thị Toan	7-9, E301							09/01/2023	02/04/2023			2022
180.20	20	1130012	POL2010-2022.20			45	Nguyễn Thị Toan	10-12, E301							09/01/2023	02/04/2023			2022
22		1170021	Ký họa	GRD2016	2	210											_TKDH_M3_TC		
181.1	01	1170021	GRD2016-2022.01			21	Ng.Duy Quốc Tuấn	3-4, A	3-4, A	3-4, A					20/02/2023	30/07/2023			2022
182.2	02	1170021	GRD2016-2022.02			21	Nguyễn Xuân Tám	3-4, A	3-4, A	3-4, A					20/02/2023	30/07/2023			2022
183.3	03	1170021	GRD2016-2022.03			21	Nguyễn Hữu Dũng	3-4, A	3-4, A	3-4, A					20/02/2023	30/07/2023			2022
184.4	04	1170021	GRD2016-2022.04			21	Nguyễn Thị Mỹ	3-4, A	3-4, A	3-4, A					20/02/2023	30/07/2023			2022
185.5	05	1170021	GRD2016-2022.05			21	Nguyễn Hải Kiên	3-4, A	3-4, A	3-4, A					20/02/2023	30/07/2023			2022
186.6	06	1170021	GRD2016-2022.06			21	Ng.Duy Quốc Tuấn				3-4, A	3-4, A	3-4, A		20/02/2023	30/07/2023			2022
187.7	07	1170021	GRD2016-2022.07			21	Nguyễn Hải Kiên				3-4, A	3-4, A	3-4, A		20/02/2023	30/07/2023			2022
188.8	08	1170021	GRD2016-2022.08			21	Nguyễn Hồng Sơn				3-4, A	3-4, A	3-4, A		20/02/2023	30/07/2023			2022
189.9	09	1170021	GRD2016-2022.09			21	Vũ Xuân Hiền				3-4, A	3-4, A	3-4, A		20/02/2023	30/07/2023			2022
190.10	10	1170021	GRD2016-2022.10			21	Lê Đức Tùng				3-4, A	3-4, A	3-4, A		20/02/2023	30/07/2023			2022
23		1060053	Ký họa	FAE2027	2	180											1*_SPMT_M4_TC		
191.1	01	1060053	FAE2027-2022.01			15	Nguyễn Quang Minh	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/04/2023	02/07/2023			2022
192.2	02	1060053	FAE2027-2022.02			15	Nguyễn Quang Minh	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/04/2023	02/07/2023			2022
193.3	03	1060053	FAE2027-2022.03			15	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/04/2023	02/07/2023			2022
194.4	04	1060053	FAE2027-2022.04			15	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					10/04/2023	02/07/2023			2022
195.5	05	1060053	FAE2027-2022.05			15	Nguyễn Thị May				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/04/2023	02/07/2023			2022
196.6	06	1060053	FAE2027-2022.06			15	Nguyễn Thị May				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/04/2023	02/07/2023			2022
197.7	07	1060053	FAE2027-2022.07			15	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/04/2023	02/07/2023			2022
198.8	08	1060053	FAE2027-2022.08			15	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		10/04/2023	02/07/2023			2022
199.9	09	1060053	FAE2027-2022.09			15	Nguyễn Tú Anh	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/04/2023	02/07/2023			2022
200.10	10	1060053	FAE2027-2022.10			15	Nguyễn Tú Anh	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/04/2023	02/07/2023			2022
201.11	11	1060053	FAE2027-2022.11			15	Hoàng Đức Dũng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/04/2023	02/07/2023			2022
202.12	12	1060053	FAE2027-2022.12			15	Hoàng Đức Dũng	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					10/04/2023	02/07/2023			2022
24		1140039	Kỹ năng khởi nghiệp	PPE2030	3	480											2020		
203.1	01	1140039	PPE2030-2022.01			60	Bùi Thị Ngần	1-5, E101							13/02/2023	07/05/2023			2022
204.2	02	1140039	PPE2030-2022.02			60	Bùi Thị Ngần	7-11, E403							13/02/2023	07/05/2023			2022
205.3	03	1140039	PPE2030-2022.03			60	Bùi Thị Ngần		7-11, E101						13/02/2023	07/05/2023			2022
206.4	04	1140039	PPE2030-2022.04			60	Bùi Thị Ngần			1-5, E405					13/02/2023	07/05/2023			2022
207.5	05	1140039	PPE2030-2022.05			60	Bùi Thị Ngần			7-11, E101					13/02/2023	07/05/2023			2022
208.6	06	1140039	PPE2030-2022.06			60	Bùi Thị Ngần					1-5, E505			13/02/2023	07/05/2023			2022
209.7	07	1140039	PPE2030-2022.07			60	Bùi Thị Ngần				7-11, E405				13/02/2023	07/05/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
210.8	08	1140039	PPE2030-2022.08			60	Bùi Thị Ngần					7-11, E505			13/02/2023	07/05/2023			2022
25		1080097	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 2	CLM2063	3	50													
211.1	03	1080097	CLM2063-2022.03			25	Cao Nguyệt Hằng						13-17, NA501		13/02/2023	02/07/2023			2022
212.2	04	1080097	CLM2063-2022.04			25	Cao Nguyệt Hằng						1-5, NA501		13/02/2023	02/07/2023			2022
26		1070015	Kỹ xướng âm 2	MUS2018	2	380											2* Dừng chung		
213.1	01	1070015	MUS2018-2022.01			19	Khuất Duy Nhã	1-5, D406							13/02/2023	18/06/2023			2022
214.2	02	1070015	MUS2018-2022.02			19	Khuất Duy Nhã	7-11, D404							13/02/2023	18/06/2023			2022
215.3	03	1070015	MUS2018-2022.03			19	Nguyễn Đức Linh	1-5, D404							13/02/2023	18/06/2023			2022
216.4	04	1070015	MUS2018-2022.04			19	Nguyễn Hồng Trang	7-11, D204							13/02/2023	18/06/2023			2022
217.5	05	1070015	MUS2018-2022.05			19	Nguyễn Thị Lệ Huyền		1-5, D204						13/02/2023	18/06/2023			2022
218.6	06	1070015	MUS2018-2022.06			19	Nguyễn Thị Lệ Huyền		7-11, D406						13/02/2023	18/06/2023			2022
219.7	07	1070015	MUS2018-2022.07			19	Phạm Thu Hoàng			1-5, D404					13/02/2023	18/06/2023			2022
220.8	08	1070015	MUS2018-2022.08			19	Khuất Duy Nhã			7-11, D406					13/02/2023	18/06/2023			2022
221.9	09	1070015	MUS2018-2022.09			19	Khuất Duy Nhã				1-5, D404				13/02/2023	18/06/2023			2022
222.10	10	1070015	MUS2018-2022.10			19	Nguyễn Thị Thu Trang (B)				1-5, D406				13/02/2023	18/06/2023			2022
223.11	11	1070015	MUS2018-2022.11			19	Nguyễn Hồng Trang				7-11, D405				13/02/2023	18/06/2023			2022
224.12	12	1070015	MUS2018-2022.12			19	Vũ Thị Kim Thu				7-11, D404				13/02/2023	18/06/2023			2022
225.13	13	1070015	MUS2018-2022.13			19	Nguyễn Hồng Trang					1-5, D404			13/02/2023	18/06/2023			2022
226.14	14	1070015	MUS2018-2022.14			19	Nguyễn Hồng Trang					7-11, D204			13/02/2023	18/06/2023			2022
227.15	15	1070015	MUS2018-2022.15			19	Nghiêm Hồng Hà					1-5, D405			13/02/2023	18/06/2023			2022
228.16	16	1070015	MUS2018-2022.16			19	Nguyễn Đức Linh					7-11, D404			13/02/2023	18/06/2023			2022
229.17	17	1070015	MUS2018-2022.17			19	Trần Thị Thanh Hương						1-5, D305		13/02/2023	18/06/2023			2022
230.18	18	1070015	MUS2018-2022.18			19	Mai Linh Chi						1-5, D204		13/02/2023	18/06/2023			2022
231.19	19	1070015	MUS2018-2022.19			19	Vũ Thị Kim Thu						7-11, D404		13/02/2023	18/06/2023			2022
232.20	20	1070015	MUS2018-2022.20			19	Nghiêm Hồng Hà						7-11, D204		13/02/2023	18/06/2023			2022
27		1060023	Luật xa gần	FAE2078	2	280											1_SPMT_M3		
233.1	01	1060023	FAE2078-2022.01			35	Vũ Hạnh Chi	1-5, E505							13/02/2023	04/06/2023			2022
234.2	02	1060023	FAE2078-2022.02			35	Vũ Hạnh Chi		7-11, E506						13/02/2023	04/06/2023			2022
235.3	03	1060023	FAE2078-2022.03			35	Vũ Hạnh Chi			7-11, E506					13/02/2023	04/06/2023			2022
236.4	04	1060023	FAE2078-2022.04			35	Vũ Hạnh Chi				1-5, E506				13/02/2023	04/06/2023			2022
237.5	05	1060023	FAE2078-2022.05			35	Vũ Hạnh Chi					1-5, E506			13/02/2023	04/06/2023			2022
238.6	06	1060023	FAE2078-2022.06			35	Vũ Hạnh Chi		1-5, E506						13/02/2023	04/06/2023			2022
239.7	07	1060023	FAE2078-2022.07			35	Vũ Hạnh Chi			1-5, E506					13/02/2023	04/06/2023			2022
240.8	08	1060023	FAE2078-2022.08			35	Vũ Hạnh Chi	7-11, E506							13/02/2023	04/06/2023			2022
28		1070013	Lý thuyết Âm nhạc 2	MUS2009	2	440											2*MUS2009		
241.1	01	1070013	MUS2009-2022.01			55	Lại Hồng Phong	7-11, DNN a							13/02/2023	25/06/2023			2022
242.2	02	1070013	MUS2009-2022.02			55	Nguyễn Thị Thu Trang (B)		1-5, DNN b						13/02/2023	25/06/2023			2022
243.3	03	1070013	MUS2009-2022.03			55	Nguyễn Thị Thu Trang (B)		7-11, DNN c						13/02/2023	25/06/2023			2022
244.4	04	1070013	MUS2009-2022.04			55	Mai Linh Chi			1-5, DNN d					13/02/2023	25/06/2023			2022
245.5	05	1070013	MUS2009-2022.05			55	Ng.Thị Thu Trang (A)			7-11, DNN e					13/02/2023	25/06/2023			2022
246.6	06	1070013	MUS2009-2022.06			55	Nguyễn Thị Phương Mai				1-5, D305 f				13/02/2023	25/06/2023			2022
247.7	07	1070013	MUS2009-2022.07			55	Nguyễn Thị Thu Trang (B)					1-5, DNN			13/02/2023	25/06/2023			2022
248.8	08	1070013	MUS2009-2022.08			55	Ng.Thị Thu Trang (A)						7-11, DNN		13/02/2023	25/06/2023			2022
29		1060048	Lý thuyết bố cục	FAE2028	2	20											1*FAE2028		
249.1	01	1060048	FAE2028-2022.01			10	Vũ Thị Kim Vân				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		22/05/2023	23/07/2023			2022
250.2	02	1060048	FAE2028-2022.02			10	Vũ Thị Kim Vân				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		22/05/2023	23/07/2023			2022
30		1070002	Múa	*MUS2011	3												MUS2011		
251.1	01	1070002	*MUS2011-2022.01			0	Ng.Th.Quỳnh Phương		1-3, E607						13/02/2023	25/06/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
252.2	02	1070002	*MUS2011-2022.02			0	Ng.Th.Quỳnh Phương		4-6, E607						13/02/2023	25/06/2023			2022
253.3	03	1070002	*MUS2011-2022.03			0	Ng.Th.Quỳnh Phương		7-9, E607						13/02/2023	25/06/2023			2022
254.4	04	1070002	*MUS2011-2022.04			0	Ng.Th.Quỳnh Phương		10-12, E607						13/02/2023	25/06/2023			2022
255.5	05	1070002	*MUS2011-2022.05			0	Phạm Ngọc Thùy			1-3, E607					13/02/2023	25/06/2023			2022
256.6	06	1070002	*MUS2011-2022.06			0	Phạm Ngọc Thùy			4-6, E607					13/02/2023	25/06/2023			2022
257.7	07	1070002	*MUS2011-2022.07			0	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-9, E607					13/02/2023	25/06/2023			2022
258.8	08	1070002	*MUS2011-2022.08			0	Ng.Th.Quỳnh Phương			10-12, E607					13/02/2023	25/06/2023			2022
259.9	09	1070002	*MUS2011-2022.09			0	Phạm Ngọc Thùy				1-3, E607				13/02/2023	25/06/2023			2022
260.10	10	1070002	*MUS2011-2022.10			0	Phạm Ngọc Thùy				4-6, E607				13/02/2023	25/06/2023			2022
261.11	11	1070002	*MUS2011-2022.11			0	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-9, E607				13/02/2023	25/06/2023			2022
262.12	12	1070002	*MUS2011-2022.12			0	Ng.Th.Quỳnh Phương				10-12, E607				13/02/2023	25/06/2023			2022
31		1080051	Mỹ học	CLM2006	2	90											1_QLVH_M1		
263.1	01	1080051	CLM2006-2022.01			45	Ng.Thị Thanh Mai				7-9, E502				13/02/2023	02/07/2023			2022
264.2	02	1080051	CLM2006-2022.02			45	Ng.Thị Thanh Mai				10-12, E502				13/02/2023	02/07/2023			2022
32		1070094	Nhạc cụ tự chọn	*MUS2064	2												2018		
265.1	19	1070094	*MUS2064-2022.19			0	Khuất Duy Nhã						1-5, D		13/02/2023	25/06/2023			2022
33		1100103	Phát âm tiếng Ý	VMU2024	2	50													
266.1	01	1100103	VMU2024-2022.01			50	Đỗ Hương Giang					10-12, E405			13/02/2023	07/05/2023			2022
34		1100065	Piano 1.2	PIA2023	1												Dang dung		
267.1	03	1100065	PIA2023-2022.03			0	Vũ Thanh Xuân		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
268.2	04	1100065	PIA2023-2022.04			0	Lương Diệu Ánh		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
269.3	05	1100065	PIA2023-2022.05			0	Lương Diệu Ánh	1-5, D							13/02/2023	18/06/2023			2022
270.4	06	1100065	PIA2023-2022.06			0	Lương Đức Giang			7-11, D					13/02/2023	18/06/2023			2022
271.5	07	1100065	PIA2023-2022.07			0	Vũ Thanh Xuân		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
272.6	08	1100065	PIA2023-2022.08			0	Ngô Thị Việt Anh	7-11, D							13/02/2023	18/06/2023			2022
273.7	09	1100065	PIA2023-2022.09			0	Trần Hoài Sơn				7-11, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
274.8	10	1100065	PIA2023-2022.10			0	Vũ Thị Thùy Linh		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
275.9	11	1100065	PIA2023-2022.11			0	Trần Vương Thanh				7-11, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
276.10	12	1100065	PIA2023-2022.12			0	Đoàn Anh Vũ					7-11, D			13/02/2023	18/06/2023			2022
277.11	13	1100065	PIA2023-2022.13			0	Bá Săn			7-11, D					13/02/2023	18/06/2023			2022
278.12	14	1100065	PIA2023-2022.14			0	Dương Vũ Bình Minh			1-5, D					13/02/2023	18/06/2023			2022
279.13	15	1100065	PIA2023-2022.15			0	Hoàng Thị Trà Mi					1-5, D			13/02/2023	18/06/2023			2022
35		1190002	Piano CN 1.2	PIA2003	2														
280.1	03	1190002	PIA2003-2022.03			0	Đình Công Hải		7-11, D			7-11, D			13/02/2023	25/06/2023			2022
281.2	04	1190002	PIA2003-2022.04			0	Lê Nam		7-11, D			7-11, D			13/02/2023	25/06/2023			2022
282.3	05	1190002	PIA2003-2022.05			0	Hà Cẩm Vân		7-11, D			1-5, D			13/02/2023	25/06/2023			2022
283.4	06	1190002	PIA2003-2022.06			0	Nghiêm Thị Hà Ngân				1-5, D			1-5, D	13/02/2023	25/06/2023			2022
284.5	07	1190002	PIA2003-2022.07			0	Lại Thị Phương Thảo	1-5, D			7-11, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
285.6	08	1190002	PIA2003-2022.08			0	Lê Hải Thuận		7-11, D		7-11, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
286.7	09	1190002	PIA2003-2022.09			0	Hồ Thị Ngọc Hà		7-11, D		1-5, D				13/02/2023	25/06/2023			2022
287.8	10	1190002	PIA2003-2022.10			0	Lương Ngọc Bích				1-5, D	7-11, D			13/02/2023	25/06/2023			2022
36		1170006	Sáng tác thiết kế 2	GRD2024	3	204											2_TKDH_M4		
288.1	01	1170006	GRD2024-2022.01			17	Phạm Minh Phong	1-5, E602	1-5, E602						13/02/2023	21/05/2023			2022
289.2	02	1170006	GRD2024-2022.02			17	Trần Thanh Nga	1-5, E602	1-5, E602						13/02/2023	21/05/2023			2022
290.3	03	1170006	GRD2024-2022.03			17	Quách Thị Ngọc An	7-11, E602	7-11, E602						13/02/2023	21/05/2023			2022
291.4	04	1170006	GRD2024-2022.04			17	Trần Thanh Nga	7-11, E602	7-11, E602						13/02/2023	21/05/2023			2022
292.5	05	1170006	GRD2024-2022.05			17	Nguyễn Mai Thơ	7-11, E602	7-11, E602						13/02/2023	21/05/2023			2022
293.6	06	1170006	GRD2024-2022.06			17	Nguyễn Quang Huy	7-11, E602	7-11, E602						13/02/2023	21/05/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
294.7	07	1170006	GRD2024-2022.07			17	Nguyễn Thị Hải Yến				1-5, E602	1-5, E602			13/02/2023	21/05/2023			2022
295.8	08	1170006	GRD2024-2022.08			17	Trần Thanh Nga				1-5, E602	1-5, E602			13/02/2023	21/05/2023			2022
296.9	09	1170006	GRD2024-2022.09			17	Nguyễn Quang Huy				7-11, E602	7-11, E602			13/02/2023	21/05/2023			2022
297.10	10	1170006	GRD2024-2022.10			17	Phạm Minh Phong				7-11, E602	7-11, E602			13/02/2023	21/05/2023			2022
298.11	11	1170006	GRD2024-2022.11			17	Nguyễn Thị Hải Yến				7-11, E602	7-11, E602			13/02/2023	21/05/2023			2022
299.12	12	1170006	GRD2024-2022.12			17	Trần Thanh Nga				7-11, E602	7-11, E602			13/02/2023	21/05/2023			2022
37		1080222	Tâm lý học phát triển và xã hội	CLM2202	2	30											CTXH		
300.1	01	1080222	CLM2202-2022.01			30	Nguyễn Hương Giang					10-12, E503			13/02/2023	25/06/2023			2022
38		1020028	Tạo mẫu trang phục 1	FAD2024	3	112													
301.1	01	1020028	FAD2024-2022.01			14	Hoàng Thị Oanh				7-11, E				13/02/2023	18/06/2023			2022
302.2	02	1020028	FAD2024-2022.02			14	Ng.Thị Bích Liên				7-11, E				13/02/2023	18/06/2023			2022
303.3	03	1020028	FAD2024-2022.03			14	Lê Nguyễn Kiều Trang				7-11, E				13/02/2023	18/06/2023			2022
304.4	04	1020028	FAD2024-2022.04			14	Lê Phương Anh				7-11, E				13/02/2023	18/06/2023			2022
305.5	05	1020028	FAD2024-2022.05			14	Lê Nguyễn Kiều Trang					7-11, E			13/02/2023	18/06/2023			2022
306.6	06	1020028	FAD2024-2022.06			14	Lê Phương Anh					7-11, E			13/02/2023	18/06/2023			2022
307.7	07	1020028	FAD2024-2022.07			14	Đỗ Thu Huyền					7-11, E			13/02/2023	18/06/2023			2022
308.8	08	1020028	FAD2024-2022.08			14	Trần Việt Hùng					7-11, E			13/02/2023	18/06/2023			2022
39		1100005	Thanh nhạc 1	*VMU2002	1												SPAN		
309.1	01	1100005	*VMU2002-2022.01			0	Nguyễn Chí Công		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
310.2	02	1100005	*VMU2002-2022.02			0	Trần Tân Phương	1-2, D ko huy							13/02/2023	18/06/2023			2022
311.3	03	1100005	*VMU2002-2022.03			0	Đặng Thị Lan	7-11, D							13/02/2023	18/06/2023			2022
312.4	04	1100005	*VMU2002-2022.04			0	Bùi Thanh Tuyền		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
313.5	05	1100005	*VMU2002-2022.05			0	Đặng Thị Lan		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
314.6	06	1100005	*VMU2002-2022.06			0	Nguyễn Thị Huyền		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
315.7	07	1100005	*VMU2002-2022.07			0	Ngô Quốc Khánh		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
316.8	08	1100005	*VMU2002-2022.08			0	Phạm Thị Thu Trang		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
317.9	09	1100005	*VMU2002-2022.09			0	Vũ Thanh Thủy		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
318.10	10	1100005	*VMU2002-2022.10			0	Nguyễn Phương Thảo		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
319.11	11	1100005	*VMU2002-2022.11			0	Hoàng Quốc Tuấn		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
320.12	12	1100005	*VMU2002-2022.12			0	Ngân Thị Thương		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
321.13	13	1100005	*VMU2002-2022.13			0	Vũ Thị Tươi		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
322.14	14	1100005	*VMU2002-2022.14			0	Nguyễn Thanh Duyên				1-5, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
323.15	15	1100005	*VMU2002-2022.15			0	Phạm Bích Ngọc		1-5, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
324.16	16	1100005	*VMU2002-2022.16			0	Trần Tân Phương		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
325.17	17	1100005	*VMU2002-2022.17			0	Đàm Minh Hưng			1-5, D					13/02/2023	18/06/2023			2022
326.18	18	1100005	*VMU2002-2022.18			0	Nguyễn Chí Công			1-5, D					13/02/2023	18/06/2023			2022
327.19	19	1100005	*VMU2002-2022.19			0	Trần Thị Thảo			7-11, D ko huy					13/02/2023	18/06/2023			2022
328.20	20	1100005	*VMU2002-2022.20			0	Đào Thị Khánh Chi				1-5, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
329.21	21	1100005	*VMU2002-2022.21			0	Đào Tiến Lợi				1-5, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
330.22	22	1100005	*VMU2002-2022.22			0	Ngân Thị Thương				1-5, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
331.23	23	1100005	*VMU2002-2022.23			0	Bùi Thanh Tuyền				1-5, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
332.24	24	1100005	*VMU2002-2022.24			0	Hà Thị Lý				1-5, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
333.25	25	1100005	*VMU2002-2022.25			0	Phạm Bích Ngọc		7-11, D						13/02/2023	18/06/2023			2022
334.26	26	1100005	*VMU2002-2022.26			0	Nguyễn Phương Thảo				7-11, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
335.27	27	1100005	*VMU2002-2022.27			0	Nguyễn Thúy Hà				7-11, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
336.28	28	1100005	*VMU2002-2022.28			0	Vũ Thị Tươi				7-11, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
337.29	29	1100005	*VMU2002-2022.29			0	Nguyễn Thanh Duyên					1-5, D			13/02/2023	18/06/2023			2022
338.30	30	1100005	*VMU2002-2022.30			0	Ngô Quốc Khánh					1-5, D			13/02/2023	18/06/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
339.31	31	1100005	*VMU2002-2022.31			0	Nguyễn Thị Huyền					7-11, D			13/02/2023	18/06/2023			2022
40		1100063	Thanh nhạc 1.2	VMU2004	1												2_ Thanh nhạc		
340.1	02	1100063	VMU2004-2022.02			0	Giáp Văn Thịnh		1-5, D408				1-5, D408		13/02/2023	18/06/2023			2022
341.2	03	1100063	VMU2004-2022.03			0	Giáp Văn Thịnh		7-11, D408				7-11, D408		13/02/2023	18/06/2023			2022
342.3	04	1100063	VMU2004-2022.04			0	Trịnh Thị Oanh	7-11, D401		7-11, D401					13/02/2023	18/06/2023			2022
343.4	05	1100063	VMU2004-2022.05			0	Trần Thị Thanh Quý			7-11, D301		7-11, D301			13/02/2023	18/06/2023			2022
344.5	06	1100063	VMU2004-2022.06			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		7-11, C408				7-11, C408		13/02/2023	18/06/2023			2022
345.6	07	1100063	VMU2004-2022.07			0	Lê Thị Tình	7-11, D408		7-11, D408					13/02/2023	18/06/2023			2022
346.7	08	1100063	VMU2004-2022.08			0	Lê Minh Tuyền	7-11, D403		1-5, D403					13/02/2023	18/06/2023			2022
347.8	09	1100063	VMU2004-2022.09			0	Nguyễn Thị Nga	7-11, D302				7-11, D403			13/02/2023	18/06/2023			2022
348.9	10	1100063	VMU2004-2022.10			0	Nguyễn Thị Nga	1-5, D302			1-5, D408				13/02/2023	18/06/2023			2022
349.10	11	1100063	VMU2004-2022.11			0	Đặng Thị Loan			1-5, D402		1-5, D402			13/02/2023	18/06/2023			2022
350.11	12	1100063	VMU2004-2022.12			0	Lê Thị Út		7-11, D402		7-11, D402				13/02/2023	18/06/2023			2022
351.12	13	1100063	VMU2004-2022.13			0	Viên Thị Hường		1-5, D402		1-5, D302				13/02/2023	18/06/2023			2022
352.13	14	1100063	VMU2004-2022.14			0	Nguyễn Mai Hương	1-5, C307				7-11, C307			13/02/2023	18/06/2023			2022
353.14	15	1100063	VMU2004-2022.15			0	Chu Thị Hoài Phương			7-11, D408			7-11, D408		13/02/2023	18/06/2023			2022
354.15	16	1100063	VMU2004-2022.16			0	Ngô Quốc Khánh		7-11, D303			7-11, D303			13/02/2023	18/06/2023			2022
355.16	17	1100063	VMU2004-2022.17			0	Nguyễn Chí Công	7-11, D301			1-5, D301				13/02/2023	18/06/2023			2022
356.17	18	1100063	VMU2004-2022.18			0	Bùi Thanh Tuyền		7-11, C412		7-11, C412				13/02/2023	18/06/2023			2022
357.18	19	1100063	VMU2004-2022.19			0	Hoàng Quốc Tuấn	1-5, C302			1-5, D401				13/02/2023	18/06/2023			2022
358.19	20	1100063	VMU2004-2022.20			0	Trần Mai Tuyết	1-5, D306		7-11, D306					13/02/2023	18/06/2023			2022
359.20	21	1100063	VMU2004-2022.21			0	Viên Thị Hường		7-11, D		7-11, D				13/02/2023	18/06/2023			2022
360.21	22	1100063	VMU2004-2022.22			0	Tạ Thị Định			7-11, D408			7-11, D408		13/02/2023	18/06/2023			2022
361.22	23	1100063	VMU2004-2022.23			0	Chu Thị Hoài Phương			1-5, D407			1-5, D407		13/02/2023	18/06/2023			2022
41		1100009	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1												SPAN		
362.1	25	1100009	*VMU2018-2022.25			0	Đào Thị Khánh Chi						7-11, D		13/02/2023	18/06/2023			2022
363.2	26	1100009	*VMU2018-2022.26			0	Đào Thị Khánh Chi						13-17, D		13/02/2023	18/06/2023			2022
42		1020054	Thiết bị may	DGI2016	2	20													
364.1	01	1020054	DGI2016-2022.01			20	Nguyễn Kiều Oanh		1-4, E						13/02/2023	18/06/2023			2022
43		1020022	Thực hành công nghệ may 1	FAD2011	3	98													
365.1	01	1020022	FAD2011-2022.01			14	Nguyễn Kiều Oanh				7-11, E				13/02/2023	04/06/2023			2022
366.2	02	1020022	FAD2011-2022.02			14	Ngô Thị Thủy Thu				7-11, E				13/02/2023	04/06/2023			2022
367.3	03	1020022	FAD2011-2022.03			14	Vũ Mai Hiền		7-11, E						13/02/2023	04/06/2023			2022
368.4	04	1020022	FAD2011-2022.04			14	Ngô Thị Thủy Thu	7-11, E							13/02/2023	04/06/2023			2022
369.5	05	1020022	FAD2011-2022.05			14	Ngô Thị Thủy Thu		7-11, E						13/02/2023	04/06/2023			2022
370.6	06	1020022	FAD2011-2022.06			14	Nguyễn Bích Nhung				7-11, E				13/02/2023	04/06/2023			2022
371.7	07	1020022	FAD2011-2022.07			14	Nguyễn Bích Nhung	7-11, E							13/02/2023	04/06/2023			2022
44		1060050	Thực tế CM 1	FAE2040	3	25											FAE2040		
372.1	01	1060050	FAE2040-2022.01			25	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	12/06/2023	26/06/2023			2022
45		1040003	Tiếng Anh 2	CFL2002	3	1200											2* A2 chung		
373.1	01	1040003	CFL2002-2022.01			50	Lê Thị Hiền					1-3, E403			13/02/2023	25/06/2023			2022
374.2	02	1040003	CFL2002-2022.02			50	Phạm Thị Lý					4-6, E403			13/02/2023	25/06/2023			2022
375.3	03	1040003	CFL2002-2022.03			50	Hoàng Thị Thu Hằng					1-3, E405			13/02/2023	25/06/2023			2022
376.4	04	1040003	CFL2002-2022.04			50	Trương Tổ Loan					4-6, E405			13/02/2023	25/06/2023			2022
377.5	05	1040003	CFL2002-2022.05			50	Phạm Thị Ngọc Bích		1-3, E403						13/02/2023	25/06/2023			2022
378.6	06	1040003	CFL2002-2022.06			50	Trương Tổ Loan	7-9, E405							13/02/2023	25/06/2023			2022
379.7	07	1040003	CFL2002-2022.07			50	Nguyễn Thanh Dung		4-6, E403						13/02/2023	25/06/2023			2022
380.8	08	1040003	CFL2002-2022.08			50	Hoàng Thị Thu Hằng	1-3, E405							13/02/2023	25/06/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
381.9	09	1040003	CFL2002-2022.09			50	Phạm Thị Lý	10-12, E405							13/02/2023	25/06/2023			2022
382.10	10	1040003	CFL2002-2022.10			50	Nguyễn Thanh Dung		7-9, E405						13/02/2023	25/06/2023			2022
383.11	11	1040003	CFL2002-2022.11			50	Nguyễn Thị Ân						7-9, E403		13/02/2023	25/06/2023			2022
384.12	12	1040003	CFL2002-2022.12			50	Nguyễn Thị Ân				7-9, E403				13/02/2023	25/06/2023			2022
385.13	13	1040003	CFL2002-2022.13			50	Trương Tổ Loan			7-9, E405					13/02/2023	25/06/2023			2022
386.14	14	1040003	CFL2002-2022.14			50	Lê Thị Hiền						4-6, E405		13/02/2023	25/06/2023			2022
387.15	15	1040003	CFL2002-2022.15			50	Phạm Thị Ngọc Bích			1-3, E403					13/02/2023	25/06/2023			2022
388.16	16	1040003	CFL2002-2022.16			50	Phạm Thị Lý						1-3, E405		13/02/2023	25/06/2023			2022
389.17	17	1040003	CFL2002-2022.17			50	Ngô Thị Hòa				10-12, E403				13/02/2023	25/06/2023			2022
390.18	18	1040003	CFL2002-2022.18			50	Ngô Thị Hòa						10-12, E403		13/02/2023	25/06/2023			2022
391.19	19	1040003	CFL2002-2022.19			50	Phạm Thị Ngọc Bích						1-3, E403		13/02/2023	25/06/2023			2022
392.20	20	1040003	CFL2002-2022.20			50	Nguyễn Thị Ân				7-9, E403				13/02/2023	25/06/2023			2022
393.21	21	1040003	CFL2002-2022.21			50	Trương Tổ Loan					10-12, E403			13/02/2023	25/06/2023			2022
394.22	22	1040003	CFL2002-2022.22			50	Hoàng Thị Thu Hằng						7-9, E405		13/02/2023	25/06/2023			2022
395.23	23	1040003	CFL2002-2022.23			50	Nguyễn Thanh Dung						10-12, E405		13/02/2023	25/06/2023			2022
396.24	24	1040003	CFL2002-2022.24			50	Ngô Thị Hòa					7-9, E405			13/02/2023	25/06/2023			2022
46		1080108	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 2	CLM2071	3	50													
397.1	03	1080108	CLM2071-2022.03			25	Nguyễn Thùy Dương				1-5, NA501				13/02/2023	02/07/2023			2022
398.2	04	1080108	CLM2071-2022.04			25	Nguyễn Thùy Dương							7-11, NA501	13/02/2023	02/07/2023			2022
47		1020039	Trang trí cơ bản 2	FAD2055	2	98													
399.1	01	1020039	FAD2055-2022.01			14	Trương Tuấn Anh	1-2, B:5-6, B	1-2, B:5-6, B						20/02/2023	04/06/2023			2022
400.2	02	1020039	FAD2055-2022.02			14	Ngô Thị Thu Hà	1-2, B:5-6, B	1-2, B:5-6, B						20/02/2023	04/06/2023			2022
401.3	03	1020039	FAD2055-2022.03			14	Lê Thị Lan	1-2, B:5-6, B	1-2, B:5-6, B						20/02/2023	04/06/2023			2022
402.4	04	1020039	FAD2055-2022.04			14	Vũ Thanh Nghị				1-2, B:5-6, B	1-2, B:5-6, B			20/02/2023	04/06/2023			2022
403.5	05	1020039	FAD2055-2022.05			14	Ngô Thị Thu Hà				1-2, B:5-6, B	1-2, B:5-6, B			20/02/2023	04/06/2023			2022
404.6	06	1020039	FAD2055-2022.06			14	Lê Mai Trinh				1-2, B:5-6, B	1-2, B:5-6, B			20/02/2023	04/06/2023			2022
405.7	07	1020039	FAD2055-2022.07			14	Lê Thị Lan				1-2, B:5-6, B	1-2, B:5-6, B			20/02/2023	04/06/2023			2022
48		1060039	Trang trí cơ bản 2	FAE2052	2	210											2_SPMT_M4		
406.1	01	1060039	FAE2052-2022.01			15	Chu Thị Hương Thu	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
407.2	02	1060039	FAE2052-2022.02			15	Chu Thị Hương Thu	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
408.3	03	1060039	FAE2052-2022.03			15	Nguyễn Thị Hà Hoa	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
409.4	04	1060039	FAE2052-2022.04			15	Nguyễn Thị Hà Hoa	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
410.5	05	1060039	FAE2052-2022.05			15	Tạ Đình Thi	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
411.6	06	1060039	FAE2052-2022.06			15	Tạ Đình Thi	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
412.7	07	1060039	FAE2052-2022.07			15	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
413.8	08	1060039	FAE2052-2022.08			15	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
414.9	09	1060039	FAE2052-2022.09			15	Chu Hoàng Trung	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
415.10	10	1060039	FAE2052-2022.10			15	Chu Hoàng Trung	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					13/02/2023	09/04/2023			2022
416.11	11	1060039	FAE2052-2022.11			15	Nguyễn Quang Huy				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
417.12	12	1060039	FAE2052-2022.12			15	Nguyễn Quang Huy				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
418.13	13	1060039	FAE2052-2022.13			15	Lưu Thị Hồng Diễm				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
419.14	14	1060039	FAE2052-2022.14			15	Lưu Thị Hồng Diễm				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		13/02/2023	09/04/2023			2022
49		1140040	Triết học Mác-Lênin	POL2009	3	360											1 2019		
420.1	15	1140040	POL2009-2022.15			45	Đinh Văn Hoàng						1-3, E301		13/02/2023	25/06/2023			2022
421.2	16	1140040	POL2009-2022.16			45	Nguyễn Minh Anh						7-9, E301		13/02/2023	25/06/2023			2022
422.3	17	1140040	POL2009-2022.17			45	Nguyễn Minh Anh			1-3, E301					13/02/2023	25/06/2023			2022
423.4	18	1140040	POL2009-2022.18			45	Đinh Văn Hoàng						4-6, E301		13/02/2023	25/06/2023			2022
424.5	19	1140040	POL2009-2022.19			45	Nguyễn Minh Anh			4-6, E301					13/02/2023	25/06/2023			2022

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
425.6	20	1140040	POL2009-2022.20			45	Nguyễn Minh Anh						10-12, E301		13/02/2023	25/06/2023			2022
426.7	21	1140040	POL2009-2022.21			45	Nguyễn Thị Toan				4-6, E403				13/02/2023	25/06/2023			2022
427.8	22	1140040	POL2009-2022.22			45	Nguyễn Thị Toan				1-3, E403				13/02/2023	25/06/2023			2022
50		1080244	Văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội	CLM2223	4	30											CTXH		
428.1	01	1080244	CLM2223-2022.01			30	Nguyễn Thị Phương Thanh				4-6, E501				13/02/2023	25/06/2023			2022
51		1080200	Văn hóa ẩm thực	CLM2124	2	80											DL		
429.1	01	1080200	CLM2124-2022.01			80	Bùi Hồng Hạnh			1-3, E503					13/02/2023	02/07/2023			2022

Người lập